

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-01-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai.

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 830/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 881/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2/13/141 N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 17 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H; đăng ký hộ khẩu thường trú: T, xã L, huyện Y, tỉnh V; chỗ ở: Số 18/125A ngõ 292 L, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H có quan hệ

tình cảm và chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Anh và chị H có một con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 04/9/2015. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, trái ngược nhau về tính cách. Từ đó, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng lẫn nhau khiến tình cảm bị rạn nứt, xa cách, mất đi tiếng nói chung. Đến cuối năm 2015, chị H đưa con chung về nhà riêng của mình để ở và hai bên sống ly thân mỗi người một nơi, anh chỉ qua lại thăm con và chu cấp tiền nuôi con chứ không quan tâm gì đến cuộc sống của chị H. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh H. Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Nguyễn Quang D, hiện đang ở cùng chị H nên anh có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các buổi làm việc vào ngày 08/8/2022, ngày 15/9/2022; buổi hoà giải vào ngày 12/12/2022 và tại phiên tòa, chị H đều vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh D và chị H sống chung với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đến nay có 01 con chung. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2015; Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị H; về con chung: Hai bên có một con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 04/9/2015, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng; về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn D đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký

kết hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn D và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mặc dù có đủ điều kiện kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, anh D và chị H phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2015, không quan tâm đến nhau về mọi mặt, tình cảm ngày càng lạnh nhạt xa cách. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị H tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; tại Ủy ban nhân dân xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; tại Ủy ban nhân dân phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cho thấy: Không có trường hợp họ tên người chồng là Nguyễn D và vợ là Nguyễn Thị Thanh H trong sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 2014 đến nay đang lưu giữ tại các cơ quan trên. Đến nay, anh D có đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H, xét yêu cầu của anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh D và chị H có một con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 04/9/2015; anh D đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng; còn chị H vắng mặt và cũng không đưa ra bất kỳ quan điểm gì. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi hai bên sống ly thân, cháu Dương ở cùng với mẹ, có cuộc sống ổn định và nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn D và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 04/9/2015; giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này anh D đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0005189 ngày 26 tháng 11 năm 2022.

Anh D còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương